

Số: 09 /TB-BV

Hà Đông, Ngày 05 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v Kết quả kiểm tra chất lượng bệnh viện,
mức chất lượng an toàn phẫu thuật quý 4 năm 2022

Căn cứ Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam (phiên bản 2.0);

Căn cứ Quyết định 970/QĐ-BV ngày 21/06/2022 của Bệnh viện đa khoa Hà Đông về việc kiện toàn đoàn kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện đa khoa Hà Đông năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch 85/KH-BV ngày 31/03/2022 của Bệnh viện đa khoa Hà Đông về việc Thực hiện tự kiểm tra, đánh giá tiêu chí an toàn phẫu thuật và chất lượng bệnh viện năm 2022;

Căn cứ kết quả tự kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện, chất lượng an toàn phẫu thuật Quý 4 năm 2022, Bệnh viện đa khoa Hà Đông xin thông báo cụ thể như sau (Có phụ lục kèm theo):

1. Kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện (83 tiêu chí).
2. Kết quả kiểm tra đánh giá mức chất lượng an toàn phẫu thuật.

Đề nghị các khoa/phòng thông báo kết quả kiểm tra cho nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh đồng thời rà soát lại tất cả các tiêu chí do khoa/phòng phụ trách, khắc phục những vấn đề còn tồn tại và thực hiện cải tiến chất lượng để đảm bảo đúng kế hoạch của bệnh viện; các khoa/phòng công khai kết quả đánh giá chất lượng quý 4 năm 2022 tại các bảng tin của khoa/phòng mình.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc BV;
- Các khoa/phòng trong BV;
- Lưu VT, P. QLCL.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Đào Chiên Liên

ĐIỂM TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN QUÝ IV NĂM 2022

TC	Nội dung đánh giá	Bệnh viện tự đánh giá	SYT chấm 2021	Ghi chú
Phần A: Hướng đến người bệnh				
A1	<i>Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh</i>			
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn khoa học, cụ thể	5	5	
A1.2	Người bệnh, người nhà người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	4	4	
A1.3	Cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	5	5	
A1.4*	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	4	4	
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục đăng ký, khám bệnh theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	5	5	
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	4	3	
A2	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh			
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	4	4	

TC	Nội dung đánh giá	Bệnh viện tự đánh giá	SYT chăm 2021	Ghi chú
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4	4	
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5	5	
A2.4	Người bệnh được hướng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	4	4	
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận đầy đủ với các khoa, phòng và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	4	4	
A3	Điều kiện chăm sóc người bệnh			
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	5	5	
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa, phòng gọn gàng, ngăn nắp	5	5	
A4	Quyền và lợi ích của người bệnh			

TC	Nội dung đánh giá	Bệnh viện tự đánh giá	SYT chấm 2021	Ghi chú
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	5	5	
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư	4	4	
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	4	
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	4	4	
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	5	5	
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	5	5	
B1	Phần B: Phát triển nguồn nhân lực bệnh viện			
B1	Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện			
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	5	5	
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	5	5	
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp và xác định vị trí việc làm của nhân lực bệnh viện	5	5	
B2	Chất lượng nguồn nhân lực			
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	5	5	
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	5	5	



Nội dung đánh giá

TC		Bệnh viện tự đánh giá	SYT chấm 2021	Ghi chú
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	5	5	
B3	Chất độ đãi ngộ và điều kiện môi trường làm việc			
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	5	5	
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	5	5	
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	5	5	
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	5	5	
B4	Lãnh đạo bệnh viện			
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	5	5	
B4.2	Triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo dành cho bệnh viện	5	5	
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	3	
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	5	5	
	Phần C: Hoạt động chuyên môn			
C1	An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ			
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	4	4	
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	3	3	
C2	Quản lý hồ sơ bệnh án			



Nội dung đánh giá

TC	Nội dung đánh giá	Bệnh viện tự đánh giá	SYT chấm 2021	Ghi chú
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4	4	
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	4	4	
C3	Ứng dụng công nghệ thông tin			
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	4	4	
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	4	4	
C4	Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn			
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	5	5	
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	4	
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	4	3	
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	4	
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	4	
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	4	

TC	Nội dung đánh giá	Bệnh viện tự đánh giá	SYT chấm 2021	Ghi chú
C5	Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn			
C5.1	Thực hiện quy trình kỹ thuật chuyên môn theo danh mục và phân tuyến	4	4	
C5.2	Nghiên cứu và triển khai các kỹ thuật tuyến trên, kỹ thuật mới, hiện đại	4	4	
C5.3	Xây dựng quy trình kỹ thuật và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng kỹ thuật	4	4	
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chuyên môn và phác đồ điều trị	4	4	
C5.5	Áp dụng các phác đồ điều trị đã ban hành và giám sát việc tuân thủ của nhân viên y tế	4	4	
C6	Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh			
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	5	5	
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	5	5	
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	4	4	
C7	Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế			
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	4	4	
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	5	4	
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	5	5	

TC	Nội dung đánh giá	Bệnh viện tự đánh giá	SYT chấm 2021	Ghi chú
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	5	5	
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	4	4	
C8	Chất lượng xét nghiệm			
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	4	3	
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	3	3	
C9	Quan lý cung ứng và sử dụng thuốc			
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động được	5	5	
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	4	4	
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4	4	
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	4	4	
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	5	5	
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	5	5	
C10	Nghiên cứu khoa học			
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	4	4	

TC	Nội dung đánh giá	Bệnh viện tự đánh giá	SYT chấm 2021	Ghi chú
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	4	4	
	Phần D: Hoạt động cải tiến chất lượng			
D1	Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng			
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	5	5	
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng	4	4	
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng bệnh viện	4	5	
D2	Phòng ngừa các sai sót, sự cố và cách khắc phục			
D2.1	Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	4	4	
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	5	4	
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	4	4	
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	4	4	
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	4	4	
D3	Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng			
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4	4	
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	5	5	

Nội dung đánh giá



TC		Bệnh viện tự đánh giá	SYT chăm 2021	Ghi chú
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4	4	
Phần E: Tiêu chí đặc thù chuyên khoa				
Tiêu chí sản khoa				
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	4	4	
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	4	4	
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	4	4	
Tiêu chí nhi khoa				
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	4	4	
	Tổng điểm (C3, C5 đã nhân hệ số)	391	387	
	Số tiêu chí áp dụng (C3, C5 đã nhân hệ số)	90	90	
	Điểm TB	4,34	4,30	

Phúc



PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỨC CHẤT LƯỢNG AN TOÀN PHẪU THUẬT

QUÍ 4 NĂM 2022

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG	SỐ TIÊU MỤC THIẾT YẾU	SỐ TIÊU MỤC MỞ RỘNG	SỐ ĐIỂM CHÍNH	SỐ ĐIỂM THƯƠNG	ĐOÀN KT BV CHĂM
TC1. Bảo đảm phẫu thuật đúng người bệnh và đúng vị trí cần phẫu thuật.	7	1	18	1	17
TC2. Bảo đảm trang bị và chuẩn bị đầy đủ khả năng về chuyên môn kỹ thuật hiện có, để phòng ngừa nguy cơ tai biến trong gây mê và phẫu thuật cho người bệnh.	10	5	26	3	22
TC3. Bảo đảm phát hiện và sẵn sàng ứng phó với các tình huống mất kiểm soát đường thở và suy chức năng hô hấp đe dọa đến tính mạng người bệnh.	6	2	10	2	10
TC4. Bảo đảm nhận định sớm và phòng ngừa kịp thời với nguy cơ mất máu cấp trong phẫu thuật.	9	3	9	1,5	9
TC5. Bảo đảm phòng ngừa và giảm thiểu tối đa nguy cơ dị ứng và các phản ứng có hại của thuốc.	6	3	9	1,5	10
TC6. Bảo đảm ngăn ngừa để quên dụng cụ phẫu thuật, vật tư tiêu hao tại vị trí phẫu thuật.	4	2	19	1	19,5
TC7. Bảo đảm bảo quản và xác định chính xác tất cả các mẫu bệnh phẩm phẫu thuật.	5	0	5	0	5
TC8. Bảo đảm các thành viên trong nhóm phẫu thuật có sự trao đổi và chia sẻ thông tin quan trọng hiệu quả trong suốt quá trình phẫu thuật.	4	0	5	0	5
TỔNG ĐIỂM	51	16	100	10	97,5
XẾP MỨC CHẤT LƯỢNG ATPT	4				

Handwritten signature